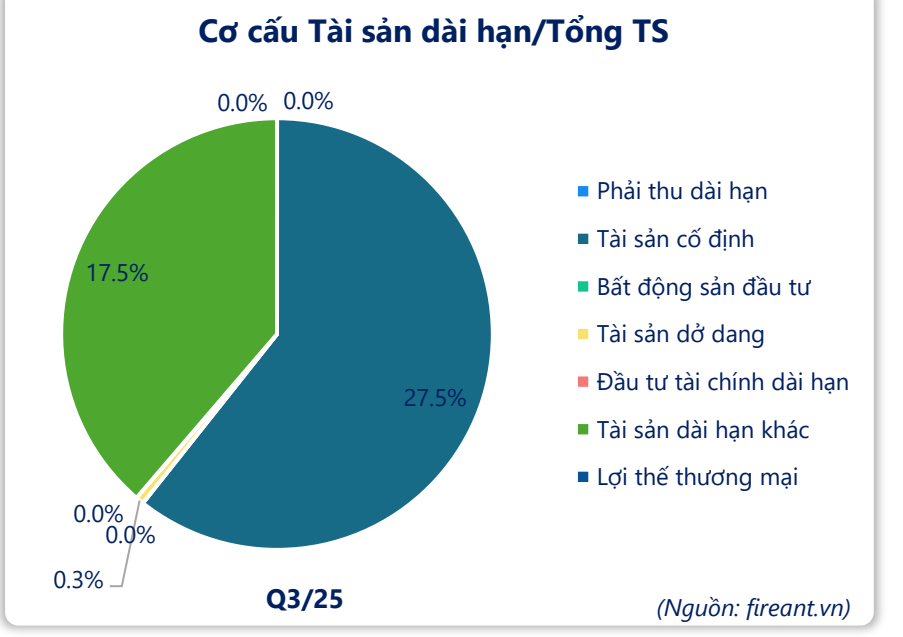
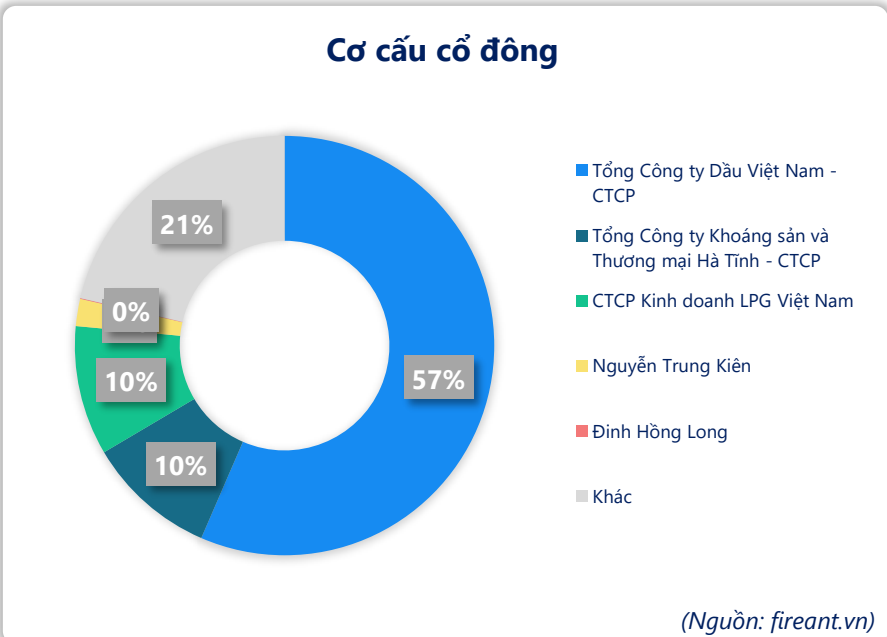
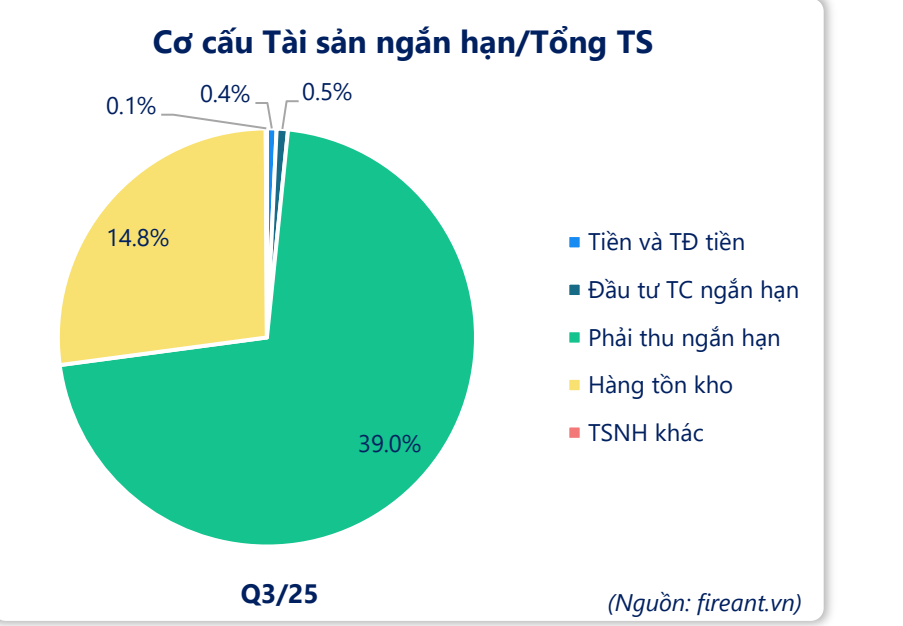
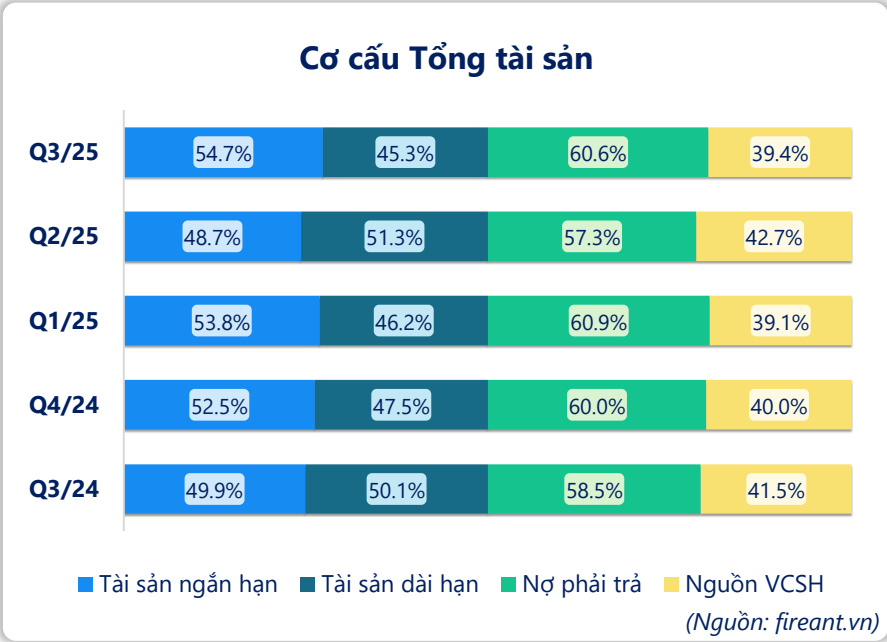
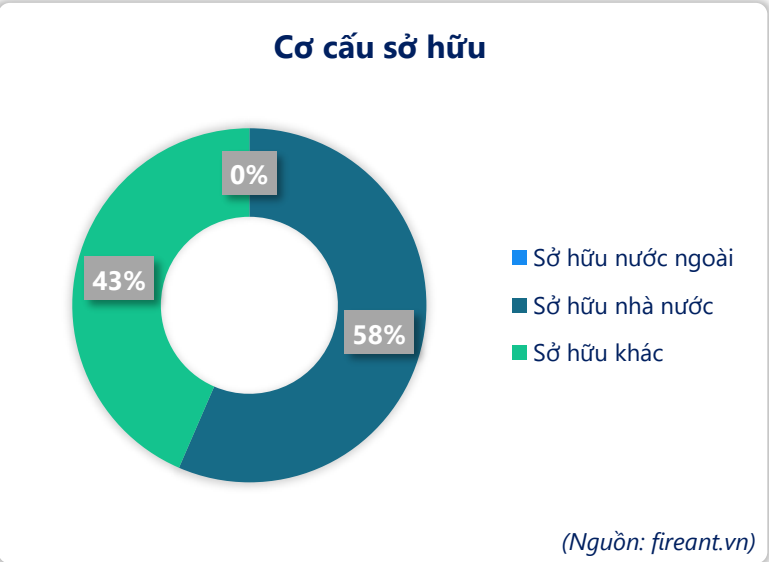
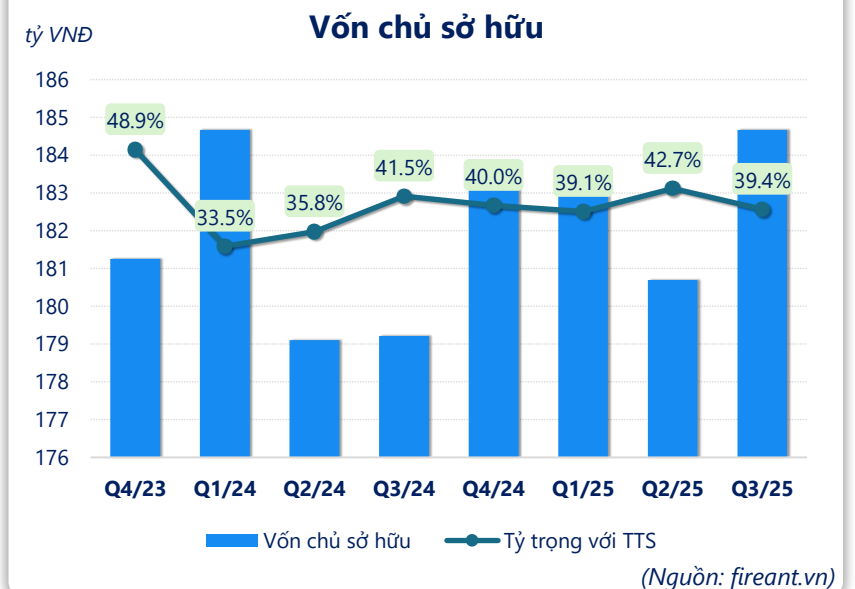
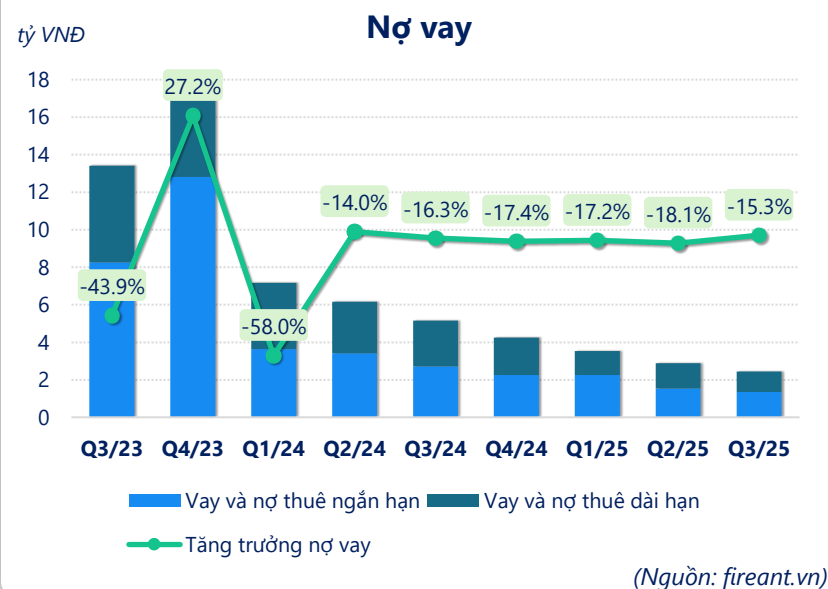
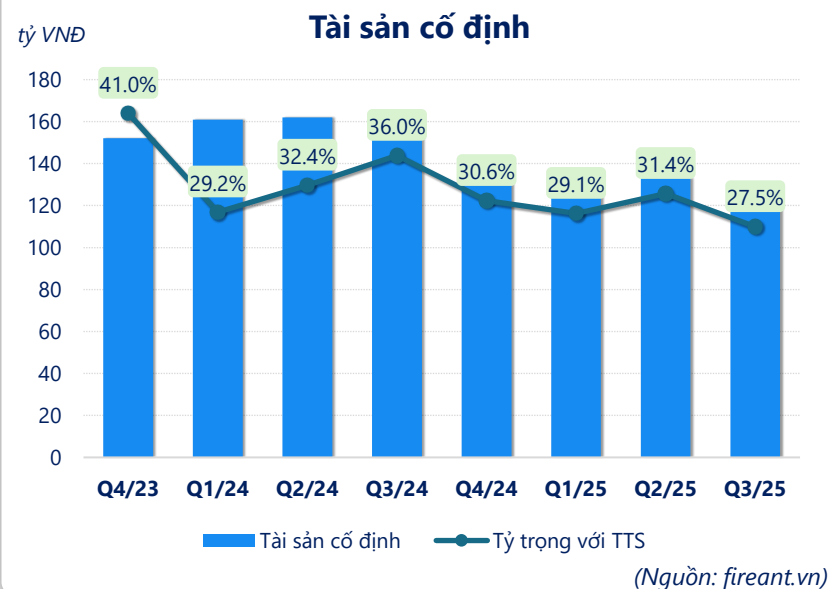
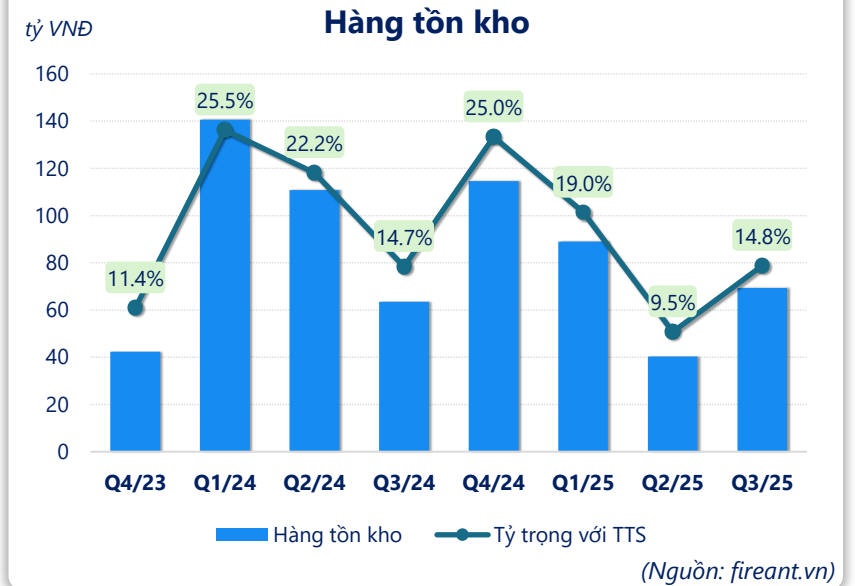
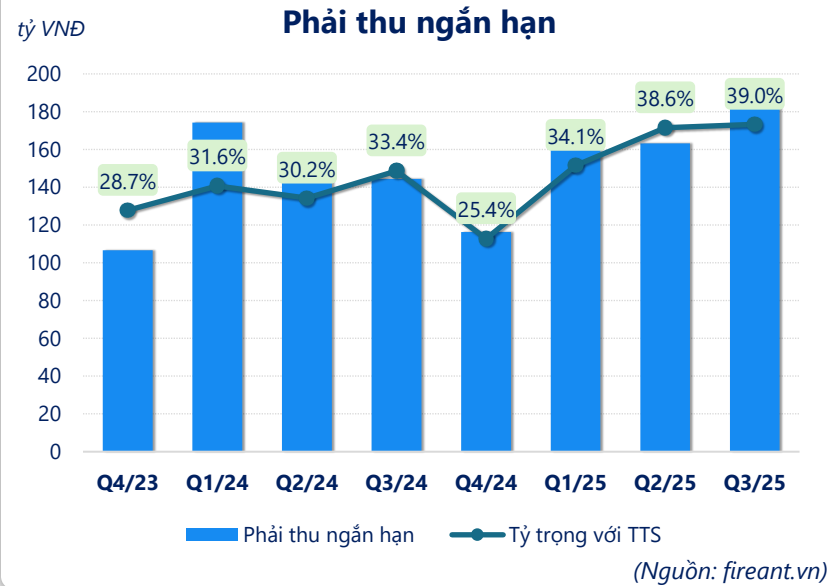
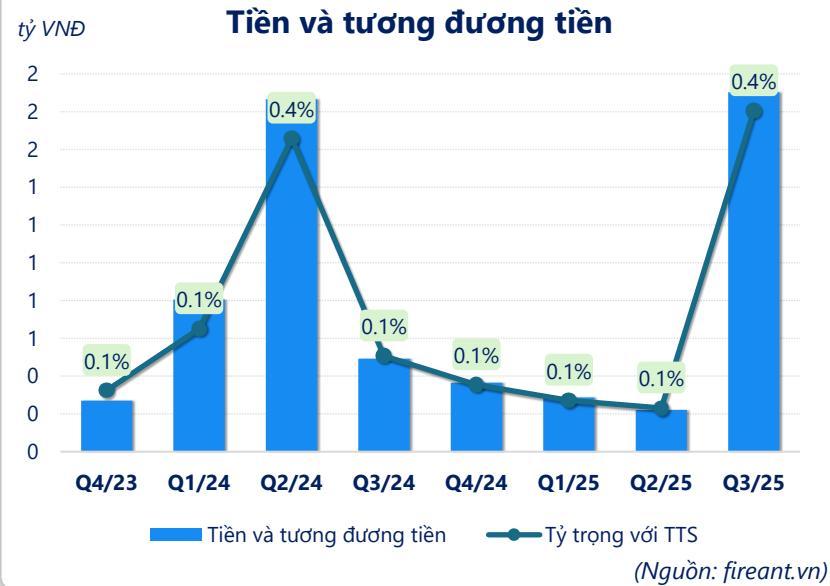
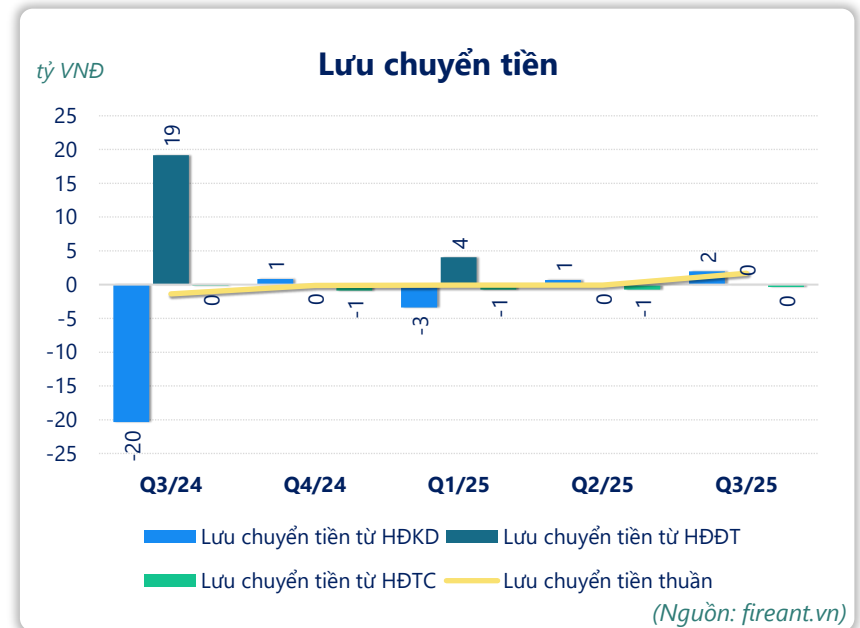
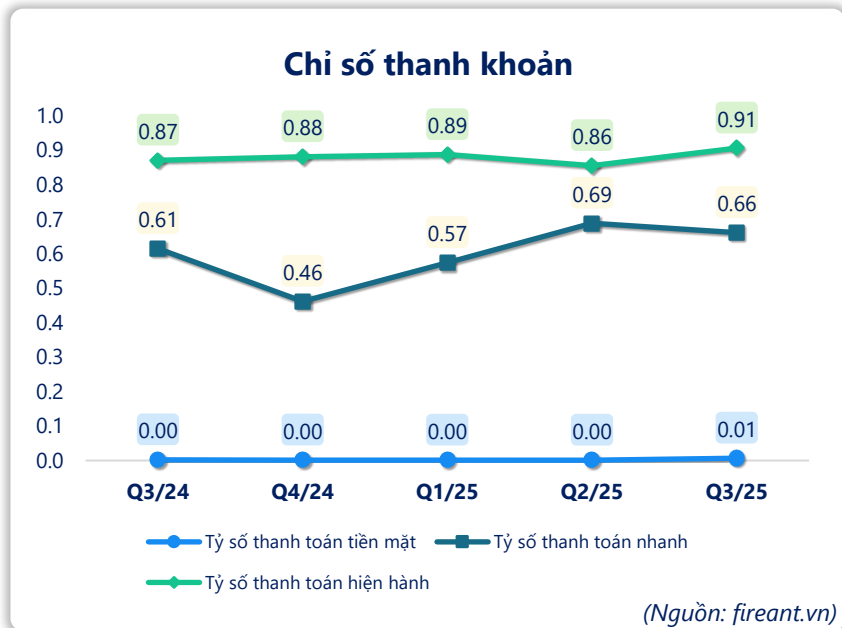
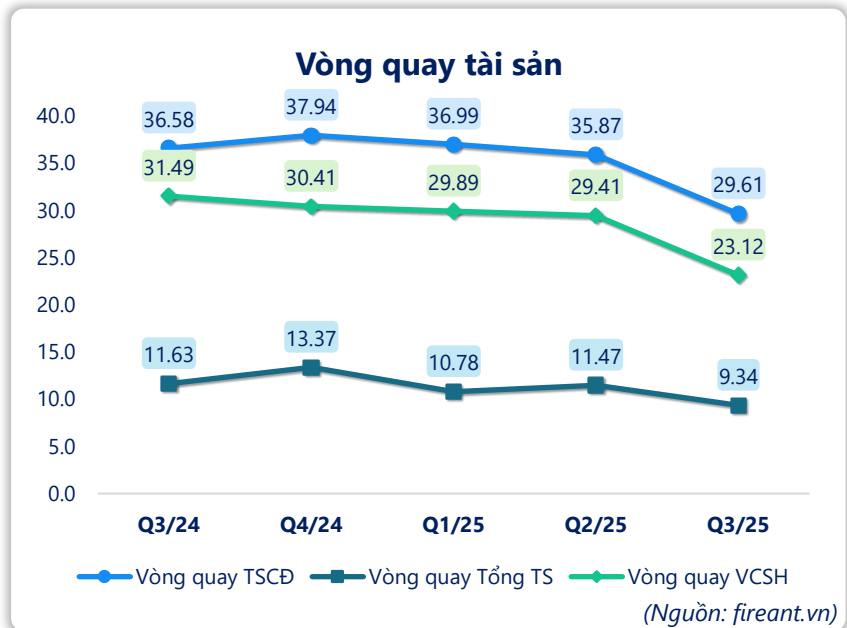
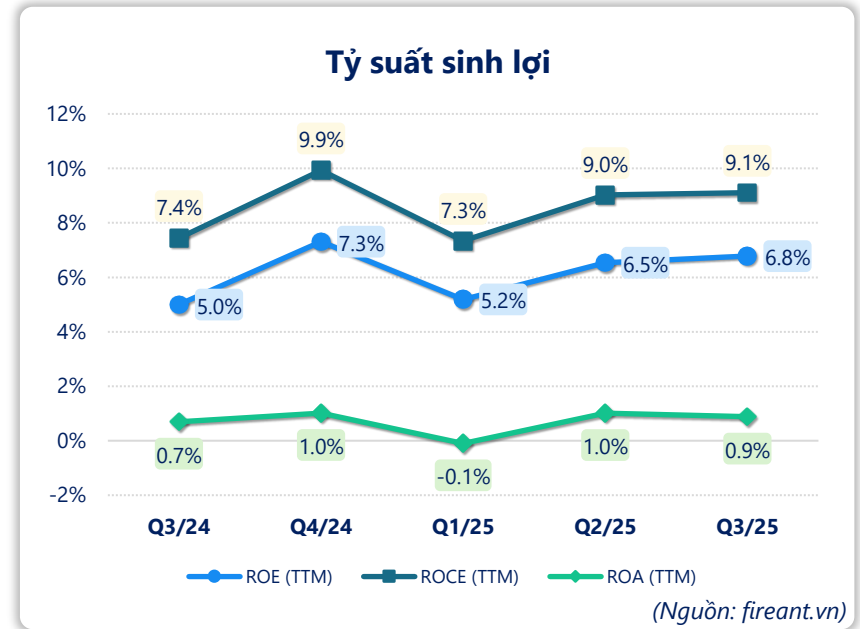
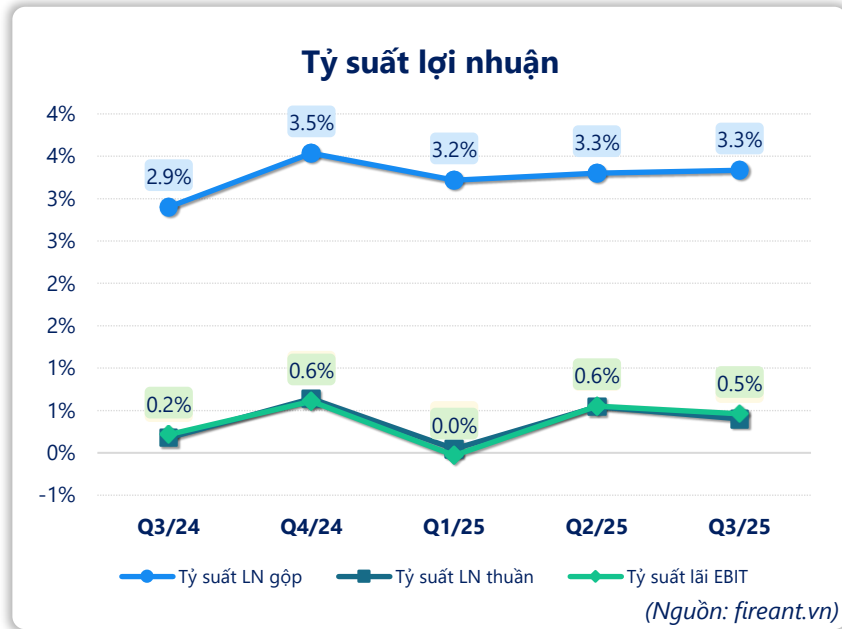
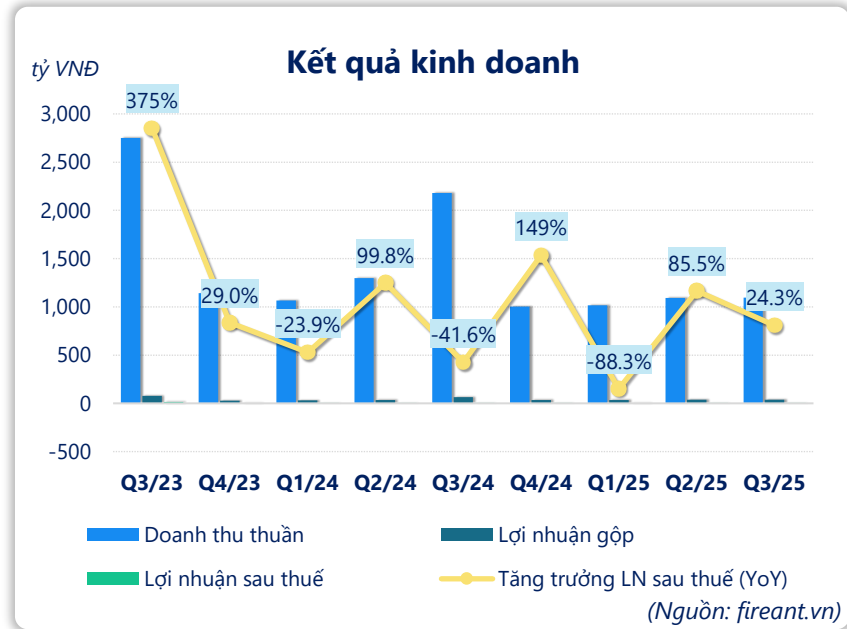


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		7,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		8,662
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		6,737
SL cổ phiếu LH		12,499,612
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,335
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		99
P/E		8.0
EPS		986

	YTD	1T	3T	6T
POV	-3.4%	-1.1%	0.1%	-1.1%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	469	458	2.3%
Tài sản ngắn hạn	256	240	6.8%
Tiền và tương đương tiền	1.90	0.37	421%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.24	6.28	-64.3%
Phải thu ngắn hạn	183	116	57.8%
Hàng tồn kho	69.3	115	-39.5%
Tài sản ngắn hạn khác	0.24	3.10	-92.4%
Tài sản dài hạn	212	218	-2.7%
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Tài sản cố định	129	140	-8.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.30	1.13	14.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	82.2	76.7	7.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	284	275	3.3%
Nợ ngắn hạn	283	273	3.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1.36	2.25	-39.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	185	208	-11.1%
Nợ dài hạn	1.09	2.00	-45.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	1.09	2.00	-45.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	185	183	0.7%
Vốn chủ sở hữu	185	183	0.7%
Vốn điều lệ	125	125	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	2,179	1,003	1,016	1,093	1,095
Giá vốn hàng bán	2,116	967	983	1,057	1,059
Lợi nhuận gộp	63.2	35.5	32.7	36.1	36.5
Doanh thu HĐTC	0.59	0.16	0.21	0.42	0.35
Chi phí TC	0.51	0.10	0.10	0.16	0.05
Chi phí lãi vay	0.51	0.10	0.10	0.16	0.05
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	54.2	24.3	29.4	28.2	29.9
Chi phí QLDN	5.29	4.82	2.90	2.20	2.50
LN thuần từ HĐKD	3.83	6.42	0.48	5.95	4.39
Lợi nhuận khác	0.38	-0.42	-0.89	-0.07	0.60
LN trước thuế	4.22	5.99	-0.41	5.88	4.99
Lợi nhuận sau thuế	3.40	4.20	-0.51	4.67	3.97
LNST của CĐ cty mẹ	3.40	4.20	-0.51	4.67	3.97

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-20.4	0.82	-3.41	0.68	1.98
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	19.2	-0.05	4.06	-0.03	0.07
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.17	-0.90	-0.73	-0.72	-0.36
Tiền đầu kỳ	1.87	0.49	0.37	0.29	0.22
Lưu chuyển tiền thuần	-1.37	-0.13	-0.08	-0.07	1.68
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.49	0.37	0.29	0.22	1.90

(Nguồn: fireant.vn)